

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 13-4-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Hoàng

2. Bà Lê Thị Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 274/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vũ Ngọc Kiều C, sinh năm 1997

Địa chỉ: 44A Trần Phú, tổ 17, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

**- Bị đơn:** Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị C có mặt, anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 18/8/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đỗ Văn N chung sống với nhau từ năm 2014, quen biết nhau do người khác giới thiệu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 06/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ở, cùng làm nghề tóc tại thôn 3, xã T, huyện B được khoảng 02 năm, sau đó vợ chồng ra thành phố Bảo Lộc sinh sống được một thời gian, đến 2016 thì ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Lý do anh N chơi bời không lo làm ăn, nhậu nhẹt, nợ nần, không chăm lo cho

gia đình, chị C khuyên bảo không được. Chị C cũng có tác động với gia đình để khuyên răn nhưng anh N cũng không nghe. Vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc nhau, chị C yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh Đỗ Văn N có 01 con chung là Đỗ Vũ Quốc V, sinh ngày 11/8/2016. Từ khi ly thân đến nay chị C đang trực tiếp nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con. Nay ly hôn chị C yêu cầu được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị C và anh Đỗ Văn N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/02/2023 nhưng không thành. Chị C có mặt, anh N vắng mặt mặc dù được triệu tập hợp lệ. Chị C có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị C và anh N được ly hôn. Về con chung cần giao con chung là Đỗ Vũ Quốc V, sinh ngày 11/8/2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung chị C trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Đỗ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Ngọc Kiều C và anh Đỗ Văn N chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 06/11/2014. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được

xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, chị C đã cố gắng hàn gắn nhưng cũng không được. Chị C trình bày lý do phát sinh mâu thuẫn là do anh N nhậu nhẹt, chơi bời, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, nợ nần. Chị C và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh N không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ trước năm 2016 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh N đến làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Nay chị C vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị C được ly hôn với anh N là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Căn cứ lời khai chị C, bản khai sinh của con do chị C xuất trình thì quá trình chung sống chị C và anh N có 01 con chung là Đỗ Vũ Quốc V, sinh ngày 11/8/2016. Từ khi ly thân đến nay chị C đang trực tiếp nuôi con chung, có đủ điều kiện nuôi con. Nay chị C yêu cầu trực tiếp nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi. Còn anh N được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc nên không thể hiện ý chí về con chung. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung Đỗ Vũ Quốc V, sinh ngày 11/8/2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị C không ai yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung:* Chị C trình bày chị và anh N không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị C trình bày chị và anh N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Vũ Ngọc Kiều C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Ngọc Kiều C đối với anh Đỗ Văn N về việc “Ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Vũ Ngọc Kiều C được ly hôn với anh Đỗ Văn N.

**2. Về con chung:** Buộc anh Đỗ Văn N phải giao con chung là Đỗ Vũ Quốc V, ngày 11/8/2016 cho chị Vũ Ngọc Kiều C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về án phí:** Buộc chị Vũ Ngọc Kiều C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0009596 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Thủy**











